

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
(Từ ngày 29 tháng 09 đến 05 tháng 10 năm 2025)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																				Giáo viên	Đơn vị quản lý giảng viên		
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN					
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà			Buổi học/ Tổng số buổi	
1	DH	17	20251ME6096001	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	CL	19							1÷6	101-A10 102-A10	4/15													Vũ Đình Toàn	TTHTNCK	
2	DH	17	20251ME6096002	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	CL	16							1÷6	101-A10 102-A10	4/15														Nguyễn Văn Đức	TTHTNCK
3	DH	17	20251ME6113001	Thực hành CNC	CL	25	1÷6	102-A10	4/10																				Đào Ngọc Hoành	TTHTNCK
4	DH	17	20251ME6113002	Thực hành CNC	CL	27	1÷6	110-A9	4/10																				Nguyễn Mai Anh	TTHTNCK
5	DH	17	20251ME6113003	Thực hành CNC	CL	25	7÷12	102-A10	4/10																				Nguyễn Mai Anh	TTHTNCK
6	DH	17	20251ME6113004	Thực hành CNC	CL	25	7÷12	110-A9	4/10																				Trần Ngọc Tân	TTHTNCK
7	DH	17	20251ME6113006	Thực hành CNC	CL	25							7÷12	110-A9	4/10														Trần Ngọc Tân	TTHTNCK
8	DH	17	20251ME6113007	Thực hành CNC	CL	25							13÷17	102-A10	4/10														Vũ Đình Toàn	TTHTNCK
9	DH	17	20251ME6113008	Thực hành CNC	CL	26							13÷17	110-A9	4/10														Nguyễn Văn Quê	TTHTNCK
10	DH	17	20251ME6113010	Thực hành CNC	CL	25												7÷12	110-A9	4/10									Vũ Đình Toàn	TTHTNCK
11	DH	17	20251ME6113011	Thực hành CNC	CL	26												7÷12	102-A10	4/10									Đào Ngọc Hoành	TTHTNCK
12	DH	17	20251ME6038004	Thực hành gia công tia lửa điện	CL	31							1÷6	101-A10	4/10														Nguyễn Mai Anh	TTHTNCK
13	DH	17	20251AT6079001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	30	1÷6	419-A10	4/10																				Lê Hữu Chúc	TTHTNOT
14	DH	17	20251AT6079002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	30										1÷6	419-A10	4/10											Lê Hữu Chúc	TTHTNOT
15	DH	18	20251AT6043001	Kết cấu ô tô	CL	20	1÷6	404-A10	4/15																				Ngô Quang Tạo	TTHTNOT
16	DH	18	20251AT6043002	Kết cấu ô tô	CL	20	7÷12	404-A10	4/15																				Ngô Quang Tạo	TTHTNOT
17	DH	18	20251AT6043003	Kết cấu ô tô	CL	20	13÷18	409-A10	4/15																				Lê Đình Mạnh	TTHTNOT
18	DH	18	20251AT6043004	Kết cấu ô tô	CL	20				1÷6	408-A10	4/15																	Nguyễn Thành Vinh	TTHTNOT
19	DH	18	20251AT6043005	Kết cấu ô tô	CL	20				7÷12	408-A10	4/15																	Nguyễn Thành Vinh	TTHTNOT
20	DH	18	20251AT6043006	Kết cấu ô tô	CL	20				13÷18	408-A10	4/15																	Đoàn Công Thành	TTHTNOT
21	DH	18	20251AT6043007	Kết cấu ô tô	CL	20							1÷6	409-A10	4/15														Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTHTNOT
22	DH	18	20251AT6043008	Kết cấu ô tô	CL	20							7÷12	409-A10	4/15														Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTHTNOT
23	DH	18	20251AT6043009	Kết cấu ô tô	CL	20							13÷18	409-A10	4/15														Nguyễn Thành Vinh	TTHTNOT
24	DH	18	20251AT6043010	Kết cấu ô tô	CL	20										1÷6	404-A10	4/15											Chu Đức Hùng	TTHTNOT
25	DH	18	20251AT6043011	Kết cấu ô tô	CL	20										7÷12	404-A10	4/15											Chu Đức Hùng	TTHTNOT
26	DH	18	20251AT6043012	Kết cấu ô tô	CL	19										13÷18	404-A10	4/15											Ngô Quang Tạo	TTHTNOT
27	DH	18	20251AT6043013	Kết cấu ô tô	CL	20													1÷6	408-A10	4/15								Lê Đình Mạnh	TTHTNOT
28	DH	18	20251AT6043014	Kết cấu ô tô	CL	20													7÷12	408-A10	4/15								Lê Đình Mạnh	TTHTNOT
29	DH	18	20251AT6043015	Kết cấu ô tô	CL	20													13÷18	408-A10	4/15								Chu Đức Hùng	TTHTNOT
30	DH	18	20251AT6043016	Kết cấu ô tô	CL	20																1÷6	409-A10	4/15					Đoàn Công Thành	TTHTNOT
31	DH	18	20251AT6043017	Kết cấu ô tô	CL	20																7÷12	409-A10	4/15					Đoàn Công Thành	TTHTNOT

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																									
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN							
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Giáo viên	Đơn vị quản lý giảng viên			
32	DH	18	20251AT6043 TA001	Automotive Chassis Engineering	CL	28							7÷12	408-A10	4/15												Nguyễn Xuân Khoa	TTTHTNOT				
33	DH	17	20251AT6057_TA001	Electrical Automotive Diagnostic and Repair Engineering	CL	14							1÷6	403-A10	4/15													Lê Hữu Chúc	TTTHTNOT			
34	DH	17	20251AT6052 TA001	Automotive Diagnostic and Repair	CL	14										1÷6	409-A10	4/15										Nguyễn Xuân Khoa	TTTHTNOT			
35	DH	17	20251AT6052001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				1÷6	404-A10	4/15																Ngô Quang Tào	TTTHTNOT			
36	DH	17	20251AT6052002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							1÷6	404-A10	4/15													Chu Đức Hùng	TTTHTNOT			
37	DH	17	20251AT6052003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22										1÷6	408-A10	4/15										Nguyễn Xuân Tuấn	CNOTO			
38	DH	17	20251AT6052004	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22												1÷6	409-A10	4/15								Bùi Văn Hải	CNOTO			
39	DH	17	20251AT6052005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22														1÷6	408-A10	1/15						Nguyễn Thành Vinh	TTTHTNOT			
40	DH	17	20251AT6052006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22		7÷12	409-A10	4/15																		Lê Đình Mạnh	TTTHTNOT			
41	DH	17	20251AT6052007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22					7÷12	404-A10	4/15																Ngô Quang Tào	TTTHTNOT		
42	DH	17	20251AT6052008	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							7÷12	404-A10	4/15														Chu Đức Hùng	TTTHTNOT		
43	DH	17	20251AT6052009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22										7÷12	408-A10	4/15											Trình Đức Phong	CNOTO		
44	DH	17	20251AT6052013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22					13÷18	404-A10	4/15																Lê Duy Long	CNOTO		
45	DH	17	20251AT6052014	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							13÷18	404-A10	4/15														Lê Đình Mạnh	TTTHTNOT		
46	DH	17	20251AT6052017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22														13÷18	404-A10	4/15						Nguyễn Thế Anh	CNOTO			
47	DH	17	20251AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22					1÷6	418-A10	4/15																Nguyễn Thành Bắc	CKDL		
48	DH	17	20251AT6057003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22					7÷12	419-A10	4/15																Nguyễn Trung Kiên	CKDL		
49	DH	17	20251AT6057005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22										1÷6	403-A10	4/15											Ngô Quang Tào	TTTHTNOT		
50	DH	17	20251AT6057007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22					1÷6	403-A10	4/15																Nguyễn Xuân Khoa	TTTHTNOT		
51	DH	17	20251AT6057009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22										7÷12	418-A10	4/15											Lê Hữu Chúc	TTTHTNOT		
52	DH	17	20251AT6057010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22												7÷12	418-A10	4/15									Chu Đức Hùng	TTTHTNOT		
53	DH	17	20251AT6057011	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22		13÷18	403-A10	4/15																			Nguyễn Thành Bắc	CKDL		
54	DH	17	20251AT6057012	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22					13÷18	418-A10	4/15																Chu Đức Hùng	TTTHTNOT		
55	DH	17	20251AT6057013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22							13÷18	418-A10	4/15														Lê Đình Đạt	CKDL		
56	DH	17	20251AT6057015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22										13÷18	418-A10	4/15											Lê Đình Mạnh	TTTHTNOT		
57	DH	17	20251AT6057016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22												13÷18	419-A10	4/15									Nguyễn Thành Vinh	TTTHTNOT		
58	DH	17	20251AT6057017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22														13÷18	419-A10	4/15							Nguyễn Trung Kiên	CKDL		
59	DH	19	20251AT6070001	Thực hành lắp ráp mạch điện tử ô tô	CL	22		7÷12	419-A10	4/10																			Nguyễn Thành Vinh	TTTHTNOT		
60	DH	19	20251AT6070002	Thực hành lắp ráp mạch điện tử ô tô	CL	22							7÷12	419-A10	4/10														Đoàn Công Thành	TTTHTNOT		
61	DH	19	20251AT6070003	Thực hành lắp ráp mạch điện tử ô tô	CL	22										7÷12	419-A10	4/10											Lê Đình Mạnh	TTTHTNOT		
62	CD	27	2025ME5032006	Vẽ kỹ thuật	1	22										1;2;3;4;5;6	A10-607	1/6											Vũ Thị Huế	Khoa KTCS		
63	CD	27	2025ME5032006	Vẽ kỹ thuật	2	22													7;8;9;10;11;12	A10-512	1/6								Vũ Thị Huế	Khoa KTCS		
64	CD	27	20251ME5032010	Vẽ kỹ thuật	1	23													1;2;3;4;5;6	A10-512	1/6								Nguyễn Thị Thanh Mai	Khoa KTCS		

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																									
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN							
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi					
65	CD	27	2025IME5032013	Vẽ kỹ thuật	1	23												7,8,9,10,1 1,12	A10-614	1/6								Nguyễn Thị Thanh Mai	Khoa KTCS			
66	CD	27	2025ME5032005	Vẽ kỹ thuật	1	22												1,2,3,4,5,6	A10-614	1/6								Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCS			
67	CD	27	2025ME5032012	Vẽ kỹ thuật	1	24						1,2,3,4,5,6	B3-501	1/6														Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCS			
68	CD	27	2025ME5032006	Vẽ kỹ thuật	3	22												7,8,9,10,1 1,12	A10-615	1/6								Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCS			
69	CD	27	2025ME5032005	Vẽ kỹ thuật	3	21												1,2,3,4,5,6	A10-615	1/6								Vũ Thị Huệ	Khoa KTCS			
70	CD	27	2025ME5032014	Vẽ kỹ thuật	1	24									1,2,3,4,5,6	B3-503	1/6											Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCS			
71	DH	19	2025IME6031006	SBVL	1	23						1,2,3,4,5,6	108-A9	1/3														Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa KTCS			
72	DH	19	2025IME6031_TA001	SBVL	1	21															7,8,9,10,1 1,12	108-A9	1/3					Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa KTCS			
73	DH	19	2025IME6031003	SBVL	1	23												1,2,3,4,5,6	108-A9	1/3								Nguyễn Xuân Trường	Khoa KTCS			
74	DH	19	2025IME6031003	SBVL	2	23												7,8,9,10,1 1,12	108-A9	1/3								Nguyễn Xuân Trường	Khoa KTCS			
75	DH	19	2025IME6031002	SBVL	3	21				1,2,3,4,5,6	108-A9	1/3														1,2,3,4,5,6		Nguyễn Xuân Trường	Khoa KTCS			
76	DH	19	2025IME6031015	SBVL	3	21																				1,2,3,4,5,6	108-A9	1/3	Nguyễn Xuân Trường	Khoa KTCS		
77	DH	17	2025IME6090001	NMKT	1	15				7,8,9,10,1 1	208--A10	1/5																Nguyễn Xuân Trường	Khoa KTCS			
78	DH	19	2025IME6031006	SBVL	2	23										7,8,9,10,1 1,12	108-A9	1/3										Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa KTCS			
79	DH	19	2025IME6031012	SBVL	1	24	1,2,3,4,5,6	108-A9	1/3																			Phạm Ngọc Thành	Khoa KTCS			
80	DH	19	2025IME6031012	SBVL	2	24				7,8,9,10,1 1,12	108-A9	1/3																Phạm Ngọc Thành	Khoa KTCS			
81	DH	19	2025IME6031012	SBVL	3	23							7,8,9,10,1 1,12	108-A9	1/3													Phạm Ngọc Thành	Khoa KTCS			
82	DH	19	2025IME6031004	SBVL	3	22										1,2,3,4,5,6	108-A9	1/3										Phạm Thị Minh Huệ	Khoa KTCS			
83	DH	18	2025IME6031017	SBVL	1	22	7,8,9,10,1 1,12	108-A9	1/3																			Trần Thị Thu Thủy	Khoa KTCS			
84	DH	18	2025IME6012002	CTM	2	23												1,2,3,4,5,6	106-A9	1/3								Trần Thị Thu Thủy	Khoa KTCS			
85	DH	19	2025IME6024001	Lý thuyết cơ cấu	3	24							7,8,9,10,1 1,12	106A9	1/3													Hoàng Xuân Khoa	KTCS			
86	DH	19	2025IME6024002	Lý thuyết cơ cấu	1	24												1,2,3,4,5,6	501-A10	1/3								Hoàng Xuân Khoa	KTCS			
87	DH	19	2025IME6024009	Lý thuyết cơ cấu	1	22	1,2,3,4,5,6	501A10	2/3																			Nguyễn Thị Thu Hương	KTCS			
88	DH	19	2025IME6024007	Lý thuyết cơ cấu	1	22	7,8,9,10,1 1,12	501A10	2/3																			Nguyễn Thị Thu Hương	KTCS			
89	DH	19	2025IME6024001	Lý thuyết cơ cấu	1					1,2,3,4,5,6	106A9	1/3																Bùi Tiến Tài	KTCS			
90	DH	19	2025IME6024001	Lý thuyết cơ cấu	2					7,8,9,10,1 1,12	106A9	1/3																Bùi Tiến Tài	KTCS			
91	DH	19	2025IME6024002	Lý thuyết cơ cấu	3	22	1,2,3,4,5,6	106A9	1/3																			Bùi Tiến Tài	KTCS			
92	DH	17	20251AT6078001	Thí nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	30				7-12	418-A10	3/10																Nguyễn Thành Bắc				
93	DH	17	20251AT6078002	Thí nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	30												7-12	419-A10	3/10								Lê Đình Đạt				
94	DH	17	20251AT6024001	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	30							7-12	502-A10	4/10													Lê Đình Đạt				
95	DH	17	20251AT6024002	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	30															7-12	502-A10	4/10				1-6	Nguyễn Trung Kiên				
96	DH	19	20251AT6062001	An toàn và kỹ thuật đo lường ô tô	1	22																				416-A10	2/10	Nguyễn Trung Kiên				
97	DH	19	20251AT6062001	An toàn và kỹ thuật đo lường ô tô	2	22																				7-12	416-A10	2/10	Nguyễn Trung Kiên			

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																						
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN				
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Giáo viên	Đơn vị quản lý giảng viên
98	DH	19	20251AT6062001	An toàn và kỹ thuật đo lường ô tô	3	21	1+6	418-A10	2/10																	Nguyễn Mạnh Dũng			
99	DH	17	20251AT6025_TA001	Automotive Modeling and Simulation Systems	CL	14				1,2,3,4,5,6	516A10	3/10															Hoàng Quang Tuấn	CNOTO	
100	DH	17	20251AT6025009	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	21											1,2,3,4,5,6	516A10	3/10								Hoàng Quang Tuấn	CNOTO	
101	DH	17	20251AT6025016	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	20														1,2,3,4,5,6	516A10	3/10					Hoàng Quang Tuấn	CNOTO	